

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05-4-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nhung
2. Bà Hoàng Thị Chính.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính-Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đô-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXX-ST ngày 08-3-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện K, tỉnh Hải Dương (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Đạm T, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ M2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là ông Lê Văn P trình bày:

Ông kết hôn với bà Phạm Thị Đạm T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn ông bà không chung sống cùng nhau, ông vẫn ở nhà riêng của ông tại xã Q, huyện K, tỉnh Hải Dương; bà T vẫn ở nhà riêng của bà T tại phường T, quận K, Hải Phòng. Sau khi kết hôn ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục được. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đôi bên càng ngày càng căng thẳng nên ông yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn bà T. Về con chung: Ông bà không có con chung. Về tài sản chung, ông Phúc không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là bà Phạm Thị Đạm T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Phạm Thị Đạm T nhưng bà Thư vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, quan điểm, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Phúc. Ngày 15-3-2022, bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử công bố lời khai của ông P có nội dung ông yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Đạm T; về việc nuôi con chung: Ông bà không có con chung; về tài sản chung ông P không đề nghị Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được và do đương sự cung cấp, Biên bản xác minh của chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không tuân thủ đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị xử cho ông Lê Văn P được ly hôn bà Phạm Thị Đạm T; về con chung và tài sản chung đề nghị không xem xét; về án phí: Ông Lê Văn P phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận K nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn P có đơn khởi kiện (về việc xin ly hôn) với bà Phạm Thị Đạm T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Phạm Thị Đạm T là bị đơn trong vụ án có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên cư trú tại tổ M2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Nguyên đơn là ông Lê Văn P và bị đơn là bà Phạm Thị Đạm T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định ông Lê Văn P và bà Phạm Thị Đạm T có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận K, thành phố Hải Phòng (Chứng nhận kết hôn số 07, ngày 01-02-2018), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng mỗi người sinh sống một nơi nên nên không có điều kiện chăm sóc, quan tâm, chia sẻ với nhau. Tính cách đôi bên không hòa hợp nên luôn xảy ra bất đồng quan điểm. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông P và bà T đã căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông P đối với bà T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về việc nuôi con chung: Ông P và bà T không có con chung nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Ông Lê Văn P và bà Phạm Thị Đạm T đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Lê Văn P phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn P và bà Phạm Thị Đạm T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lê Văn P được ly hôn bà Phạm Thị Đạm T.

2. Về án phí: Ông Lê Văn P phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003606 ngày 04-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Ông Lê Văn P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn P và bà Phạm Thị Đạm T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường T;
- Đường sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Nhân